

BẢNG KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH SAU PHÚC KHẢO**Trường tuyển sinh: THPT Chuyên Thái Bình (34000701)****Năm học: 2026 - 2027**

ST T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm VĂN sau PK	Điểm TOÁN sau PK	Điểm ANH sau PK	Điểm môn chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển đại trà sau PK	Lớp chuyên trúng tuyển sau PK
1	61100015	Bùi Đức Anh	10/06/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				3	33,5	27,5	
2	61100030	Lê Hà Anh	31/01/2011	Nữ	Trường THCS Vũ Phúc	7,25		7,75		38,75	23,75	
3	61100031	Lê Phương Anh	23/06/2011	Nữ	TH-THCS Vũ Vinh	6,25				36,4	24	
4	61100041	Nguyễn Hùng Anh	26/05/2011	Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn				8	42,75	26,75	
5	61100053	Phạm Đức Anh	11/06/2011	Nam	Trường THCS Duy Nhất		8		7,25	41,5	27	
6	61100074	Trịnh Trang Anh	07/12/2011	Nữ	Trường THCS Kỳ Bá				7,25	41	28	
7	61100091	Đỗ Thị Bích	12/04/2011	Nữ	Trường THCS Kim Trung		8		7,75	40,75	25,25	
8	61100109	Lương Khánh Chi	01/04/2011	Nữ	Trường THCS Trần Phú				7,25	39	24,5	
9	61100124	Trần Mạnh Cường	20/02/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				3	34,25	28,25	
10	61100130	Nguyễn Ngọc Diệp	31/10/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh				6,75	39,5	26	
11	61100134	Nguyễn Trung Dũng	24/06/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,5			3,75	33,25	25,75	
12	61100137	Mai Nhật Duy	21/07/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh		9,25		8,08	41,91	25,75	
13	61100149	Nguyễn Việt Đăng	22/10/2011	Nam	Trường THCS Trần Phú	8	9		6,5	39,25	26,25	
14	61100155	Nguyễn Minh Đức	23/12/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				7,95	41,4	25,5	
15	61100171	Trần Hương Giang	02/04/2011	Nữ	Trường THCS Phúc Khánh				7,5	40,5	25,5	
16	61100172	Trần Hương Giang	15/08/2011	Nữ	Trường THCS Trần Phú			9	6,2	40,15	27,75	
17	61100173	Trần Khánh Giang	23/12/2011	Nữ	THCS Vũ Thư				8,5	42,5	25,5	

ST T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm VĂN sau PK	Điểm TOÁN sau PK	Điểm ANH sau PK	Điểm môn chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển đại trà sau PK	Lớp chuyên trúng tuyển sau PK
18	61100175	Đinh Việt Hà	15/05/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh	6,75		8,75		42	25,5	
19	61100184	Nguyễn Thanh Hà	19/06/2011	Nữ	Trường THCS Phúc Khánh				7,2	42,65	28,25	
20	61100237	Lưu Thị Khánh Huyền	05/02/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh				6,5	41,25	28,25	
21	61100265	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	22/05/2011	Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn				4	34,5	26,5	
22	61100273	Trần Trung Kiên	30/08/2011	Nam	Trường THCS Phạm Huy Quang				6,75	40,75	27,25	
23	61100277	Trần Hoa Kỳ	23/04/2011	Nam	THCS Vũ Thư	8				34,75	27,25	
24	61100295	Lê Gia Linh	06/03/2011	Nữ	Trường THCS Trần Phú				6	39,25	27,25	
25	61100296	Lê Hải Linh	13/03/2011	Nữ	Trường THCS Trần Lãm	8,75			3,25	34,5	28	
26	61100301	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	13/06/2011	Nữ	Trường THCS Kỳ Bá	6,5				33	20,5	
27	61100312	Phạm Khánh Linh	31/05/2011	Nữ	THCS Vũ Thư				6,68	40,61	27,25	
28	61100345	Nguyễn Anh Minh	11/03/2011	Nam	THCS Vũ Thư	5,25				35	22	
29	61100355	Nguyễn Nhật Minh	23/11/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,25			8,65	42,8	25,5	
30	61100363	Trần Đức Minh	21/10/2011	Nam	Trường THCS Kỳ Bá				6,5	37,75	24,75	
31	61100376	Nguyễn Trịnh Hà My	18/05/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh	8,25			7,5	41	26	
32	61100379	Đỗ Hải Nam	23/12/2011	Nam	Trường THCS Phạm Huy Quang		9,25		3,75	34,5	27	
33	61100399	Đỗ Hoàng Bảo Ngọc	21/07/2011	Nữ	Trường THCS Lê Quý Đôn	7,25			3,5	33	26	
34	61100405	Nguyễn Hồng Ngọc	27/12/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh				6,5	39	26	
35	61100420	Nguyễn Thiện Nhân	12/11/2011	Nam	THCS Trung An				8,25	42,25	25,75	
36	61100421	Nguyễn Thiện Nhân	16/08/2011	Nam	THCS Vũ Thư		8			28,76	22	
37	61100422	Trần Thiện Nhân	11/10/2011	Nam	TH-THCS Vũ Vinh				7,48	41,71	26,75	

ST T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm VĂN sau PK	Điểm TOÁN sau PK	Điểm ANH sau PK	Điểm môn chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển đại trà sau PK	Lớp chuyên trúng tuyển sau PK
38	61100427	Đinh Ngọc Ý Nhi	21/05/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75				39,5	23,5	
39	61100430	Nguyễn Thị Phương Nhi	30/07/2011	Nữ	Trường THCS Phạm Huy Quang				5,98	39,46	27,5	
40	61100453	Võ Xuân Phú	17/04/2011	Nam	THCS Vũ Thư				3,75	35	27,5	
41	61100470	Đỗ Mai Phương	15/06/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh				6	37,75	25,75	
42	61100502	Nguyễn Nam Thái	25/08/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh		9,5		3	33,5	27,5	
43	61100504	Phạm Nguyệt Thanh	04/09/2011	Nữ	THCS Tây Sơn		7,75	7,75		41	24,5	
44	61100519	Trần Bảo Thắng	01/12/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				5	38,75	28,75	Toán học
45	61100531	Phạm Thị Thanh Thuý	07/11/2011	Nữ	THCS Vũ Thư	8,5				41,25	25,25	
46	61100544	Vũ Minh Thư	05/08/2011	Nữ	THCS Tây Sơn		7,75	7,25		36,75	23,25	
47	61100550	Đỗ Trung Tiến	10/01/2011	Nam	Trường THCS Trần Phú				6,5	40,5	27,5	
48	61100560	Nguyễn Vũ Kiều Trang	16/04/2011	Nữ	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Động		8,5			40,75	25,75	
49	61100568	Phạm Minh Trí	10/02/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75				41,75	25,75	
50	61100569	Trần Đức Trí	01/07/2011	Nam	Trường THCS Trần Phú	6,75			8,65	42,8	25,5	
51	61100570	Hoàng Minh Triết	09/03/2011	Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn	8,25			7,7	42,4	27	
52	61100603	Phạm Phương Uyên	28/01/2011	Nữ	Trường THCS Minh Lãng				8	42,25	26,25	
53	61100605	Vũ Đào Phương Uyên	12/03/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh		8	7,75		31,75	21,75	
54	61100612	Đào Lê Thế Vinh	21/03/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				3,25	34,25	27,75	
55	61200013	Đặng Đức Anh	13/01/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh			7,25	3,3	31,35	24,75	
56	61200016	Đặng Phương Anh	12/10/2011	Nữ	Trường THCS Minh Lãng	7,75			5,15	37,05	26,75	
57	61200045	Nguyễn Lan Anh	23/06/2011	Nữ	Trường THCS Tân Phong	7,5			3,5	32,75	25,75	

ST T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm VĂN sau PK	Điểm TOÁN sau PK	Điểm ANH sau PK	Điểm môn chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển đại trà sau PK	Lớp chuyên trúng tuyển sau PK
58	61200048	Nguyễn Minh Anh	17/09/2011	Nữ	Trường THCS Trần Lãm				2,9	31,3	25,5	
59	61200052	Nguyễn Vũ Đức Anh	23/02/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh	6,75		8	3,8	28,35	20,75	
60	61200057	Phạm Ngọc Anh	06/11/2011	Nữ	THCS 14-10	7,5			4,4	34,55	25,75	
61	61200092	Ngô Duy Bảo Châu	20/03/2011	Nam	Trường THCS Trần Phú				3,5	34,75	27,75	
62	61200102	Đoàn Vân Chi	20/05/2011	Nữ	THCS Tây Sơn				4,3	36,1	27,5	
63	61200122	Vũ Ngọc Diệp	26/10/2011	Nữ	Trường THCS Vũ Tây				1,8	25,85	22,25	
64	61200133	Nguyễn Đức Duy	04/03/2011	Nam	Trường THCS Vũ Hội				0,7	26,65	25,25	
65	61200154	Dương Đức Đại	14/07/2011	Nam	TH-THCS Vũ Vinh				3,2	30,9	24,5	
66	61200166	Phạm Minh Đức	18/02/2011	Nam	Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Quý	6,5		9,5		33,75	24,75	
67	61200175	Mai Thị Hương Giang	24/02/2011	Nữ	Trường THCS Phạm Huy Quang	7,25				31	26	
68	61200187	Nguyễn Khánh Hà	06/07/2011	Nữ	THCS 14-10	8		9,5		34,65	25,25	
69	61200193	Phạm Thu Hà	21/04/2011	Nữ	THCS Nguyễn Đức Cảnh	7,75			4,1	34,2	26	
70	61200198	Bùi Sơn Hải	29/09/2011	Nam	Trường THCS Phú Xuân	7,5			5,1	36,2	26	
71	61200229	Nguyễn Việt Hùng	19/03/2011	Nam	THCS Quỳnh Côi	6,5				36,75	25,75	
72	61200239	Lương Gia Huy	21/07/2011	Nam	Trường THCS Vũ Lạc				1,8	29,6	26	
73	61200267	Đỗ Hoàng Khánh	22/10/2011	Nam	THCS Tây Sơn				0	26,5	26,5	
74	61200276	Phan Tuấn Khương	15/10/2011	Nam	Trường THCS Tân Phong		6,5			28,5	22	
75	61200281	Đoàn Lưu Tuệ Lâm	20/03/2011	Nữ	Trường THCS Trần Lãm	8,75				36,35	26,75	
76	61200294	Đinh Vũ Hà Linh	03/08/2011	Nữ	Trường THCS Kỳ Bá				4,3	36,35	27,75	
77	61200301	Ngô Phương Linh	19/07/2011	Nữ	Trường THCS Minh Lãng	8,75			4	32	24	

ST T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường THCS	Điểm VĂN sau PK	Điểm TOÁN sau PK	Điểm ANH sau PK	Điểm môn chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển lớp chuyên sau PK	Tổng điểm xét tuyển đại trà sau PK	Lớp chuyên trúng tuyển sau PK
78	61200326	Lê Đức Long	22/10/2011	Nam	Tiểu học và THCS Đông Hoàng	7,75			2,4	31,55	28,25	
79	61200328	Mai Vũ Hoàng Long	03/09/2011	Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn				2,7	29,65	24,25	
80	61200349	Trần Đức Mạnh	27/10/2011	Nam	THCS Tân Lập				2,2	30,9	26,5	
81	61200367	Phạm Lê Nhật Minh	27/10/2011	Nam	Trường THCS Kỳ Bá				1,7	28,4	25	
82	61200380	Trần Nữ Diễm My	29/01/2011	Nữ	Trường THCS Trần Phú	6				30,7	24	
83	61200392	Bùi Thanh Ngân	02/02/2011	Nữ	TH-THCS Vũ Vinh		9,25		4,3	36,1	27,5	
84	61200394	Đỗ Khánh Ngân	08/10/2011	Nữ	Trường THCS Lương Thế Vinh				3,1	32,7	26,5	
85	61200400	Bùi Kim Ngọc	24/05/2011	Nữ	TH-THCS Vũ Vinh	7,75				35,75	26,75	
86	61200414	Bùi Hoàng Nguyên	07/04/2011	Nam	Trường THCS Kỳ Bá				1,7	26,9	23,5	
87	61200418	Lại Khôi Nguyên	28/06/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh			7	0	22,5	22,5	
88	61200432	Nguyễn Thị Yên Nhi	31/05/2011	Nữ	TH và THCS An Vũ				0	26,25	26,25	
89	61200441	Nguyễn Tiến Phát	25/07/2011	Nam	Trường THCS Vũ Chính				2	27,25	23,25	
90	61200482	Phí Tiến Tân	08/03/2011	Nam	THCS Tây Sơn		8,75		4,2	35,4	27	
91	61200484	Nguyễn Chí Thanh	30/07/2011	Nam	Trường Tiểu học và THCS Vũ An	7			6	37	25	
92	61200496	Phạm Thu Thảo	19/10/2011	Nữ	Trường THCS Trần Phú	8	8,5	9,25	5,3	36,35	25,75	
93	61200507	Nguyễn Anh Thư	28/06/2011	Nữ	Trường THCS Hoàng Diệu				4,3	36,35	27,75	
94	61200550	Đặng Xuân Tùng	18/12/2011	Nam	Trường THCS Trần Phú	8,5		9,25	3,85	34,7	27	
95	61200557	Phạm Thanh Tùng	06/08/2011	Nam	Trường THCS Lương Thế Vinh				1,1	26,95	24,75	
96	61200582	Lâm Bảo Yến	25/12/2011	Nữ	THCS Vũ Thư				5,38	34,26	23,5	